



BAO CAO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(QUÍ II NĂM 2009)

I.A.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	30/06/2009	01/01/2009
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	321.404.496.478	367.076.207.609
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	86.061.593.993	49.130.501.895
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31.381.615.631	46.551.022.680
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	124.861.047.834	187.045.077.164
4	Hàng tồn kho	61.674.519.162	71.484.902.978
5	Tài sản ngắn hạn khác	17.425.719.858	12.864.702.892
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.133.128.873.628	996.176.060.514
1	Các khoản phải thu dài hạn	18.762.359.914	17.081.269.503
2	Tài sản cố định	367.456.964.032	337.423.863.671
	- Tài sản cố định hữu hình	21.500.676.744	20.541.321.711
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	48.672.315.482	49.448.819.760
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	297.283.971.806	267.433.722.200
3	Bất động sản đầu tư	94.463.256.555	38.521.026.609
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo chiến lược kinh doanh	610.347.429.082	562.862.187.939
5	Tài sản dài hạn khác	42.098.864.045	40.287.712.792
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.454.533.370.106	1.363.252.268.123
IV	NỢ PHẢI TRẢ	848.034.327.339	797.183.245.668
1	Nợ ngắn hạn	316.658.293.307	317.889.953.349
2	Nợ dài hạn	531.376.034.032	479.293.292.319
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	518.690.303.399	486.602.595.830
1	Vốn chủ sở hữu	511.967.233.135	479.212.219.009
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	203.610.400.000	203.610.400.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	180.876.300.000	180.876.300.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	(3.544.746.277)	(3.544.746.277)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.071.043.999	650.345.638
	- Các quỹ	22.983.020.483	22.795.477.268
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	102.971.214.930	74.824.442.380
	- Vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	6.723.070.264	7.390.376.821
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.723.070.264	7.390.376.821
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đa hình thành TSCĐ	-	-
VI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	87.808.739.368	79.466.426.625
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.454.533.370.106	1.363.252.268.123



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

Mẫu CBTT-03

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(QUÝ II NĂM 2009)**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý II/2009	Quý II/2008	Lũy kế	
				06 tháng 2009	06 tháng 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	555.921.968.069	662.948.907.199	1.137.619.823.408	1.191.435.125.231
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.195.554.155)	(442.435.543)	519.869.242	1.095.209.846
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	557.117.522.224	663.391.342.742	1.137.099.954.166	1.190.339.915.385
4	Giá vốn hàng bán	487.443.492.439	615.957.559.233	1.013.860.152.247	1.107.260.009.136
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.674.029.785	47.433.783.509	123.239.801.919	83.079.906.249
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7.306.455.712	(26.870.889.189)	8.138.779.167	17.702.426.467
7	Chi phí tài chính	(3.612.781.302)	(20.608.987.793)	7.940.897.576	32.131.703.764
8	Chi phí bán hàng	14.501.714.880	10.538.270.813	31.757.120.689	22.127.852.691
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.314.583.488	12.925.699.369	30.547.174.057	25.825.253.312
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.776.968.431	17.707.911.931	61.133.388.764	20.697.522.949
11	Thu nhập khác	2.477.442.227	3.064.756.424	7.088.965.709	3.926.858.082
12	Chi phí khác	484.126.891	1.076.992.941	1.329.431.182	1.076.027.963
13	Lợi nhuận khác	1.993.315.336	1.987.763.483	5.759.534.527	2.850.830.119
14	Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	5.989.936.648	2.693.832.392	5.988.766.274	8.350.095.609
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.760.220.415	22.389.507.806	72.881.689.565	31.898.448.677
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.109.523.830	5.393.776.596	14.567.023.593	8.538.988.850
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.572.309.856	(2.452.649.997)	2.572.309.856	(4.257.646.435)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (18 = 15 - 16 - 17)	46.078.386.729	19.448.381.207	55.742.356.116	27.617.106.262
19	<i>Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số</i>	5.225.275.499	8.236.262.047	8.877.473.924	12.851.815.173
20	<i>Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ (20 = 18 - 19)</i>	40.853.111.230	11.212.119.160	46.864.882.192	14.765.291.089
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.029	678	2.327	946
22	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu				

Ngày 20 tháng 07 năm 2009

Tổng Giám Đốc